

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-ST

Ngày: 21 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Anh Dũng.

Thẩm phán: Ông Trương Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Bá Trung, ông Dương Quốc Tuấn và ông Châu Khắc Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh T T H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2019/TLST-HS ngày 03/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2020/QĐXXST-HS ngày 06/05/2020 đối với bị cáo:

Hoàng Thị N, sinh ngày 14/09/1980 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: 90 Trần Quốc Toản, phường Hà Huy T, thành phố V, tỉnh N A; nghề nghiệp: Nguyên Giảng viên trường Cao đẳng Sư phạm H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: lớp 12/12; cha: Hoàng Văn N (đã chết); mẹ: Đặng Thị D (sinh năm 1943); chồng: Nguyễn Tuấn A (đã ly hôn); con: Có 01 con (sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/3/2019; có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị N:** Ông Trần Đình Châu - Luật sư của Công ty luật hợp danh Thiên Hà thuộc Đoàn luật sư tỉnh T T H; có mặt.

*** Bị hại:**

- Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Tổ 8 phường Thủy P, thị xã Hương Th, tỉnh T T H; vắng mặt.

- Ông Đỗ Quốc Â, sinh năm: 1966; nơi cư trú: 41 Duy T, phường An C, thành phố H; có mặt.

- Chị Trần Thị T, sinh năm: 1993; nơi cư trú: 2/53 Hàn Mặc T, phường Vỹ D, thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Lê S, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Thôn 4, xã Vinh M, huyện Phú L, tỉnh T T H; có mặt.
- Chị Trần Thị Lam H, sinh năm: 1989; nơi cư trú: TDP An L, phường Hương A, thị xã Hương Tr, tỉnh T T H có mặt.
- Chị Trần Thị V, sinh năm: 1988; nơi cư trú: 31B Bà Tr, phường Xuân Ph, thành phố H; có mặt.
- Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Đội 5, Thôn Mỹ P, xã Phong Chương, huyện Phong Đ, tỉnh T T H; có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Ông Phan D, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Thôn An N, xã Thủy B, thị xã Hương T, tỉnh T T H; có mặt.
- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1958; nơi cư trú: 125 Long H, phường Hương H, thị xã Hương Tr, tỉnh T T H; có mặt.
- Bà Trần Thị M, sinh năm: 1953; nơi cư trú: 6/187 Nguyễn Lộ Tr, phường Xuân Ph, thành phố H, tỉnh T T H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 3/2018, Hoàng Thị N có những thủ đoạn gian dối, lừa xin việc làm nhằm chiếm đoạt tiền của nhiều người khác để tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Chị Nguyễn Thị Bích H là sinh viên ra trường nhưng chưa có việc làm, thông qua Lê Phương N(hiện đang bị khởi tố điều tra trong vụ án khác và bị truy nã) biết được Hoàng Thị N có khả năng xin được việc làm trong ngành giáo dục. Chị H đã đến gặp N để nhờ giúp và N hứa sẽ xin cho chị H được dạy học một trường trên địa bàn thành phố H, tin tưởng lời nói của N là thật nên chị H 03 lần đưa tiền cho N tổng cộng là 140.000.000 đồng gồm: Lần 1: Vào tháng 12/2016, số tiền 60.000.000 đồng, lần 2: Ngày 06/6/2017, số tiền 30.000.000 đồng và lần 3: Ngày 28/6/2017, số tiền 50.000.000 đồng.

N cam kết sẽ xin được việc cho chị Nguyễn Thị Bích H vào ngày 30/8/2017, nếu không được sẽ trả lại đầy đủ số tiền đã nhận. Tuy nhiên, N không xin việc cho chị H và chiếm đoạt số tiền trên.

Sau khi biết mình bị lừa, chị H đã nhiều lần đến gặp N để đòi lại tiền và làm đơn gửi đến trường Cao đẳng Sư phạm H. Sau đó, N đã trả lại cho chị H số tiền 115.000.000 đồng, còn lại số tiền 25.000.000 đồng, N chưa hoàn trả.

- Vụ thứ hai: Ông Đỗ Quốc Á có con trai là anh Đỗ Quốc H, sinh viên ra trường vào tháng 4/2016 nhưng chưa xin được việc làm. Thông qua người quen là anh Vũ Anh T giới thiệu Hoàng Thị N là người có quen biết nhiều lãnh đạo và có khả năng xin đi dạy trong ngành giáo dục. Ông Á đã liên hệ với N và nhờ N xin việc cho anh Đỗ Quốc H, N hứa sẽ xin cho anh H vào dạy ở trường THCS

Nguyễn Du ở thành phố H, ông A tin tưởng và đã đưa tiền cho N 04 lần, gồm: Lần 1: Ngày 06/10/2016, số tiền 40.000.000 đồng; lần 2: Ngày 07/10/2016, số tiền 20.000.000 đồng; lần 3: Ngày 09/10/2016, số tiền 20.000.000 đồng; lần 4: Ngày 15/6/2017, số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 90.000.000 đồng.

Sau đó, N không xin được việc cho anh H và chiếm đoạt của gia đình anh A số tiền trên. Sau nhiều lần hứa cam kết nhưng không thấy anh H được đi dạy, gia đình ông A đã đòi lại tiền và làm đơn tố cáo gửi Cơ quan chức năng. Sau đó, Hoàng Thị N đã trả lại cho gia đình ông A 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 80.000.000 đồng, N chưa hoàn trả.

- Vụ thứ ba: Anh Nguyễn Văn T có người cháu ruột là chị Trần Thị T học Đại học ngoại ngữ H ra trường từ năm 2015 nhưng chưa xin được việc làm. Thông qua người quen là anh Trần Văn H giới thiệu Hoàng Thị N là giáo viên dạy trường Cao đẳng Sư phạm H, có khả năng xin được việc làm cho nhiều người. Anh T và chị Trần Thị T đã gặp N và N hứa sẽ nhờ lãnh đạo Sở Giáo dục giúp để chị T thi đậu công chức năm 2017 với số tiền là 100.000.000 đồng và hứa sẽ có quyết định vào ngày 01/6/2017.

Tin tưởng lời nói của N, chị T đã đưa tiền cho N số tiền trên 03 lần, gồm: Lần 1: ngày 05/4/2017, số tiền 80.000.000 đồng; lần 2: Ngày 15/4/2017, số tiền 10.000.000 đồng; lần 3: Một tuần sau ngày 15/4/2017, số tiền 10.000.000 đồng.

Tuy nhiên, N không xin việc cho chị T và chiếm đoạt số tiền trên. Sau ngày 01/6/2017, chị T thấy mình không có tên trúng tuyển công chức năm 2017 nên gọi hỏi thì N nhiều lần lấy lý do sẽ xin bổ sung xét tuyển đợt sau để trì hoãn không trả lại tiền. Nhận thấy mình bị lừa gạt nên chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra. Hiện N chưa hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt trên cho chị T.

- Vụ thứ tư: Ông Lê S có con dâu là chị Phan Thị Ái L, học thạc sĩ thực vật học tại trường Đại học Sư phạm H ra trường nhưng chưa có việc làm. Thông qua người bạn là anh Trần Văn H giới thiệu Hoàng Thị N là giáo viên trường Cao đẳng Sư phạm H, có khả năng xin được việc làm cho nhiều người. Vào tháng 3/2018, ông Lê S và con trai là Lê Phước S (chồng chị L) đến gặp N để nhờ giúp. N hứa sẽ chạy cho chị Phan Thị Ái L thi đậu công chức giáo dục năm 2018.

Tin tưởng lời nói của N là thật, ông Lê S và anh Lê Phước S đã nhiều lần đưa tiền theo yêu cầu của N từ đầu tháng 3/2018 đến ngày 23/3/2018 với số tiền là 6000 USD và 15.000.000 đồng, sau đó N tiếp tục gian dối để lấy thêm 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, N chỉ hứa hẹn chứ bản thân không có khả năng xin việc cũng như quen biết ai để có thể xin được việc cho chị L và chiếm đoạt số tiền trên. Đến đầu tháng 4/2018, sau khi xem kết quả thi công chức, gia đình ông Lê S không thấy chị L trúng tuyển nên ông Lê S, anh S đã nhiều lần điện thoại, đến gặp để đòi lại tiền thì N lấy nhiều lý do để khất hẹn, sau đó làm đơn xin nghỉ dạy và bỏ ra N A để trốn tránh việc trả nợ. Ông Lê S biết mình bị lừa gạt nên đã làm đơn tố cáo.

Ngày 04/3/2018, Sở Tài chính có Công văn số 522 xác định tỷ giá ngoại tệ đô la Mỹ vào ngày 23/3/2018 là 22.830 đồng/USD. Như vậy 6.000 USD = 136.980.000 đồng.

Như vậy, Hoàng Thị N đã chiếm đoạt của ông Lê S tổng số tiền 161.980.000 đồng. Hiện nay, Hoàng Thị N chưa hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho ông S.

- Vụ thứ năm: Chị Trần Thị Lam H sau khi học trường Cao đẳng Sư phạm H ra trường nhưng chưa có việc làm ổn định, thông qua quan hệ xã hội biết được Hoàng Thị N là giáo viên từng dạy mình môn thể dục, có khả năng xin được việc trong ngành giáo dục. Chị H cùng chồng là anh Hồ Phước Nh đã đến gặp nhờ giúp đỡ và N đồng ý sẽ giúp chị H thi trúng tuyển công chức năm 2018. Tin tưởng vào mối quan hệ của Nhiên với các lãnh đạo tỉnh và lời hứa của N nếu không xin được việc sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận là thật. Chị H đã 03 lần giao cho N với tổng số tiền 130.000.000 đồng, gồm: Lần 1: Sau ngày 19/12/2017, số tiền 40.000.000 đồng; lần 2: Vào đầu tháng 3/2018, số tiền 70.000.000 đồng; lần 3: Vào cuối tháng 3/2018, số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, N chỉ hứa hẹn chứ bản thân không có khả năng xin việc cũng như quen biết ai để có thể xin được việc cho chị H và chiếm đoạt số tiền trên.

Sau khi xem kết quả thông báo thấy mình không có tên trúng tuyển công chức năm 2018. Chị H và anh Nh đã đến nhà Nhiên ở chung cư Vincoland nhiều lần để đòi lại tiền xin việc thì N trả lại số tiền 32.500.000 đồng, còn lại số tiền 97.500.000 đồng, N chưa hoàn trả cho chị H.

- Vụ thứ sáu: Ông Trần Đình H nghe nhiều thông tin cho rằng Hoàng Thị N quen biết nhiều lãnh đạo sở, ngành có thể xin được việc cho nhiều người trong ngành giáo dục, ông H đã nghĩ đến chị Trần Thị V (là vợ của anh Phạm Anh T gọi H bằng dượng đang dạy học ở Phú L) rất muốn được chuyển công tác lên thành phố H, nên ông H đã liên hệ lấy số điện thoại và địa chỉ rồi cùng vợ chồng chị V, anh T đến gặp Hoàng Thị Nh để đặt vấn đề xin chuyển trường cho chị V. Khi gặp ông H và anh T, N hứa sẽ giúp xin cho chị Trần Thị V chuyển lên dạy tại một trường tiểu học trên địa bàn thành phố H với số tiền là 60.000.000 đồng vào tháng 10/2017 và cam đoan nếu không xin được thì sẽ trả lại đầy đủ tiền đã nhận. Tin tưởng vào lời hứa của Hoàng Thị N là thật, anh Phạm Anh T và chị Trần Thị V đã giao cho N 02 lần, gồm: Lần 1: Vào ngày 17/5/2017, số tiền 30.000.000 đồng và lần 2: Vào ngày 19/5/2017, số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, N chỉ hứa hẹn chứ bản thân không có khả năng xin việc cũng như quen biết ai để có thể xin chuyển trường cho chị V và chiếm đoạt số tiền trên.

Đến tháng 10/2017, không thấy có thông báo chuyển trường, chị V và anh T đã nhiều lần điện thoại hỏi, đồng thời yêu cầu trả lại tiền, N đã tìm mọi lý do để trì hoãn trả tiền. Sau đó, N làm đơn xin nghỉ việc và ra N A trốn tránh. Vợ chồng chị Trần Thị V - anh Phạm Anh T, sau khi thấy truyền hình đưa tin Hoàng Thị N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T T H khởi tố bắt tạm giam, nên đã làm đơn tố cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến nay, N chưa hoàn trả số tiền 60.000.000 đồng đã chiếm đoạt cho chị V.

- Vụ thứ bảy: Anh Lê Văn C có vợ là chị Nguyễn Thị Cẩm Nh tốt nghiệp, ra trường đi dạy hợp đồng từ năm 2012 nhưng chưa được vào biên chế. Thông qua mối quan hệ xã hội, anh C nghe thông tin Hoàng Thị N là giáo viên trường Cao đẳng Sư phạm H có khả năng xin được biên chế trong ngành giáo dục cho nhiều người. Anh C và vợ là chị Nh đã đến nhà của N ở tại Chung cư Vincoland, phường Xuân Ph, để nhờ giúp. Sau khi gặp vợ chồng chị Nh, anh C, Hoàng Thị N đã hứa hẹn xin chuyển công tác và có biên chế chính thức cho chị Nh vào một trường tiểu học trên địa bàn thành phố H vào ngày 01/9/2017, nếu không xin được việc sẽ trả lại đủ số tiền đã nhận. Tin tưởng vào lời hứa của N là thật nên anh C và chị Nh đã giao cho Nhiên 02 lần với số tiền 110.000.000 đồng, gồm: Lần 1: Vào ngày 21/4/2017, số tiền 100.000.000 đồng; lần 2: khoảng 5 ngày sau, số tiền 10.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Nhiên chỉ hứa hẹn chứ bản thân không có khả năng xin việc cũng như quen biết ai để có thể xin được việc cho chị Nh và chiếm đoạt số tiền trên.

Khi vào năm học 2017 - 2018, thấy không có quyết định vào biên chế và chuyển công tác cho chị Nh, ngày 18/12/2017, anh C đã đến nhà ở của N, yêu cầu N cam kết và Nhiên đã viết lại giấy nhận đủ số tiền 110.000.000 đồng trước đó và cam đoan đến ngày 06/01/2018 sẽ xin được việc cho chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, nếu không sẽ hoàn trả đủ tiền.

Đến thời gian cam kết chị Nh không có quyết định nên vợ chồng anh C, chị Nh nhiều lần yêu cầu N hoàn trả lại tiền không được, nên vợ chồng chị Nh anh C đã làm đơn tố cáo Hoàng Thị N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình. Hiện N chưa hoàn trả số tiền 110.000.000 đồng cho chị N.

- Vụ thứ tám: Anh Phan D có con gái ruột là Phan Thị Hồng Nh học trung cấp mầm non Âu Lạc ra trường từ năm 2016 nhưng chưa có việc làm. Thông qua người bà con là anh Trần Văn H giới thiệu Hoàng Thị N quen biết nhiều và đã nhận lời xin việc cho nhiều người. Ngày 27/5/2017, anh H đã hẹn và đưa anh Phan D đến gặp N để nhờ giúp, N hứa sẽ xin việc cho chị Phan Thị Hồng Nh vào dạy tại trường mầm non Vĩnh Ninh, thành phố H. Tin tưởng lời nói Hoàng Thị N là thật, nên anh Phan D đã giao hồ sơ xin việc và 03 lần giao cho Hoàng Thị N với tổng số tiền 85.000.000 đồng, gồm: Lần 1: Ngày 27/5/2017, số tiền 20.000.000 đồng; lần 2: Ngày 28/5/2017, số tiền 50.000.000 đồng; lần 3: Ngày 19/9/2017, số tiền 15.000.000 đồng.

Tuy nhiên, N chỉ hứa hẹn chứ bản thân không có khả năng xin việc cũng như quen biết ai để có thể xin được việc cho con anh D và chiếm đoạt số tiền trên. Mỗi lần cần tiền, Hoàng Thị N gọi điện thoại trực tiếp cho anh Phan D, đưa ra lý do để anh D tin tưởng giao tiền cho N. Đến thời hạn cam kết, N tiếp tục đưa lý do khác để lấy thêm tiền, nhưng anh D nghi ngờ, không đưa thêm tiền và yêu cầu N phải trả lại toàn bộ số tiền 85.000.000 đồng, N hứa ra quê xin bán đất của gia đình để trả lại. Khi biết Cơ quan điều tra Công an tỉnh T T H đã khởi tố, bắt tạm giam Hoàng Thị N về hành vi lừa đảo nên anh Phan D đã làm đơn tố cáo. Hiện nay, N chưa hoàn trả lại số tiền 85.000.000 đồng cho anh D.

- Vụ thứ chín: Bà Nguyễn Thị N có con là chị Lê Thị Bảo N ra trường nhưng chưa có việc làm. Anh Lê Thanh B là anh ruột của chị N, thông qua bạn bè giới thiệu Hoàng Thị N có quen biết với lãnh đạo của tỉnh Thừa Thiên Huế nên có điều kiện để xin việc. Anh Lê Thanh B cùng bạn là anh Nguyễn Việt C đến gặp N để xin việc cho chị N. N đồng ý và cam kết sẽ gặp những người mình quen biết để xin cho chị Lê Thị Bảo N vào dạy ở trường tiểu học Hương Long hoặc trường tiểu học Thủy B, vào ngày 30/5/2017, chị N sẽ có quyết định đi dạy. Tin vào lời hứa của N là thật, anh Lê Thanh B đã giao hồ sơ xin việc và 03 lần giao trực tiếp cho N, với số tiền 95.000.000 đồng, gồm: Lần 1: Ngày 15/02/2017, số tiền 50.000.000 đồng tại quán cà phê trên đường Hà Nội, thành phố H có sự chứng kiến của anh C; lần 2: Khoảng 6 ngày sau ngày 15/2/2017, số tiền 25.000.000 đồng tại nhà Văn hóa trung tâm thành phố H; lần 3: Khoảng 13 ngày, sau ngày 15/2/2017, số tiền 20.000.000 đồng trên đường Trần Cao Vân, thành phố H. Tuy nhiên, N chỉ hứa hẹn chứ bản thân không có khả năng xin việc cũng như quen biết ai để có thể xin được việc cho chị Nn và chiếm đoạt số tiền trên.

Đến ngày 30/5/2017, không thấy em mình có quyết định, anh B gọi điện thoại hỏi, N đưa ra lý do để kéo dài thời gian nhằm trốn tránh trách nhiệm không trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Sau khi biết Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T T H đã khởi tố và bắt tạm giam Hoàng Thị N, gia đình chị N, anh B, làm đơn tố cáo. Hiện nay, N chưa hoàn trả số tiền 95.000.000 đồng cho chị N.

- Vụ thứ mười: Chị Nguyễn Thị Hồng T ở gần nhà bà Trần Thị M biết bà M có con gái là chị Lê Thị Y học trường Cao đẳng Sư phạm H ra trường nhưng chưa có việc làm, thông qua quan hệ xã hội, chị Tân nghe nói Hoàng Thị N quen biết với lãnh đạo Sở giáo dục và có khả năng xin được suất biên chế trong ngành giáo dục nên chị T đã xin số điện thoại của N, sau đó nói lại cho bà M biết. Chị T và bà M đã gọi điện thoại xin được gặp Hoàng Thị N để xin việc cho chị Y. Sau khi gặp mặt, N hứa sẽ xin cho chị Lê Thị Y một suất vào trường THCS Hùng Vương, chị Y sẽ có quyết định đi dạy vào tháng 12/2017. Mong muốn con mình có công việc ổn định và tin vào lời hứa của N là thật nên bà M cùng chị T giao hồ sơ xin việc và 03 lần giao cho Hoàng Thị N với tổng số tiền 120.000.000 đồng, cụ thể: Lần 1: Ngày 08/10/2017, số tiền 60.000.000 đồng tại đường Lê Hồng Phong gần trường Mầm non Hòa Mi, phường Phú Nhuận, thành phố H; lần 2: Ngày 11/10/2017, số tiền 20.000.000 đồng tại căn tin trường Mầm non Hòa Mi; lần 3: Ngày 24/10/2017, số tiền 40.000.000 đồng gần Siêu thị BigC H.

Tuy nhiên, N chỉ hứa hẹn chứ bản thân không có khả năng xin việc cũng như quen biết ai để có thể xin được việc cho chị Y và chiếm đoạt số tiền trên.

Đến cuối tháng 12/2017, không thấy Lê Thị Y có quyết định đi dạy, chị M và chị T đã gọi điện thoại cho N, thì N hứa sẽ trả lại số tiền đã chiếm đoạt vào cuối tháng 4/2018 nhưng N không trả lại tiền mà xin nghỉ việc và ra quê ở N A để trốn tránh trách nhiệm trả tiền. Sau khi biết N bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh T T H khởi tố vụ án, bắt tạm giam, chị Nguyễn Thị Hồng T và chị Trần Thị M đã làm đơn tố cáo.

Hiện nay, Nhiên chưa trả lại số tiền đã chiếm đoạt 120.000.000 đồng cho chị M

* Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ các giấy tờ do các người bị hại cung cấp thể hiện việc giao nhận tiền nhằm mục đích xin việc.

- Giấy mượn tiền lập ngày 21/4/2017 có tên người mượn Hoàng Thị N (chị Nh);

- Giấy nhận tiền lập ngày 18/12/2017 có tên người viết giấy Hoàng Thị N;

- Giấy nhận tiền có nội dung: “Em N nhận a Hùng 20.000.000 (Hai mươi triệu)”; “Ngày 28/5/2017 Em N nhận a Hùng 50.000.000 (Năm mươi triệu). Hẹn đến ngày 20/8/2017 sẽ hoàn trả”; “Ngày 19/9/2017 Em N mượn Thêm 15.000.000 (Mười lăm triệu)” và chữ ký phía dưới có tên “*Hoàng Thị N*”;

- Giấy mượn tiền lập ngày 23/3/2018 có tên người mượn Hoàng Thị N;

- Giấy mượn tiền lập ngày 06/10/2016 có tên người mượn Hoàng Thị N, người cho mượn Đỗ Quốc Ân;

- Giấy hẹn lập ngày 16/5/2018 có tên người hẹn Hoàng Thị N;

- Giấy mượn tiền lập ngày 05/4/2017 có tên người mượn Hoàng Thị N, người cho mượn Nguyễn Văn T;

- Giấy mượn tiền lập ngày 15/4/2017 có tên người mượn Hoàng Thị N, người cho mượn Trần Thị T;

- Giấy mượn tiền lập ngày 06/6/2017 có tên người mượn Hoàng Thị N, người cho mượn Nguyễn Thị Bích H;

- Giấy mượn tiền lập ngày 28/6/2017 có tên người mượn Hoàng Thị N, người cho mượn Nguyễn Thị Bích H và nội dung chữ viết mực đỏ hẹn trả ngày 28/10/2018;

- Giấy cam kết lập ngày 09/11/2017 có tên người cam kết Hoàng Thị N;

- Giấy viết tay lập ngày 16/5/2018 có tên Hoàng Thị N;

- Giấy viết tay lập ngày 01/3/2018 có tên Hoàng Thị N;

- Giấy mượn tiền có tên người mượn Hoàng Thị N lập ngày 17/5/2017, mượn của anh Phạm Anh T;

- Giấy hẹn trả tiền lập ngày 12/5/2018 có tên người hẹn Hoàng Thị N, nhận của chị Trần Thị Lam H số tiền 130.000.000 đồng;

- Giấy mượn tiền có tên người mượn Hoàng Thị N, mượn của anh Lê Thanh B lập ngày 15/2/2017;

- Giấy nhận tiền có tên người mượn Hoàng Thị N, lập ngày 08/10/2017, nhận của chị Nguyễn Thị Hồng T;

- Giấy mượn tiền có tên người mượn Hoàng Thị N, lập ngày 11/10/2017, mượn của chị Nguyễn Thị Hồng T;

- Chữ viết, chữ ký tại Giấy mượn tiền có tên người mượn Hoàng Thị N, lập ngày 24/10/2017, mượn của chị Nguyễn Thị Hồng T;

- Giấy hẹn có tên người hẹn Hoàng Thị N, lập ngày 16/4/2018;

- Kết luận giám định số 441/GĐ ngày 30/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T T H kết luận: Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A10 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Thị N trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M5 do cùng một người viết, ký ra.

- Kết luận giám định số 34/GĐ ngày 18/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T T H, kết luận:

+ Chữ viết mang tên Hoàng Thị N trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; A2 so với chữ viết đứng tên Hoàng Thị N trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 đến M4 do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký mang tên Hoàng Thị N trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; A2 so với chữ ký đứng tên Hoàng Thị N trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 đến M5 do cùng một người ký ra.

- Kết luận giám định số 247/GĐ ngày 21/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T T H kết luận: Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.1 đến A14 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Thị N trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M3 do cùng một người viết, ký ra.

- Kết luận giám định số 326/GĐ ngày 17/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T T H kết luận: Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.1 đến A1.3 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Thị N trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M3 do cùng một người viết, ký ra.

Đối với chiếc điện thoại Sony Z5, sau khi trích xuất dữ liệu điện tử trong điện thoại đã trả lại cho chủ sở hữu anh Lê Phước S.

* Về dân sự: Sau khi chiếm đoạt của những người bị hại với tổng số tiền 1.091.980.000 đồng, N đã hoàn trả lại cho 03 người bị hại với tổng số tiền 157.500.000 đồng. Trong đó, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Bích H 115.000.000 đồng, ông Đỗ Quốc Â 10.000.000 đồng, chị Trần Thị Lam H 32.500.000 đồng. Số tiền còn lại, N chưa hoàn trả cho các người bị hại.

Cơ quan điều tra kê biên khoản tiền tại bảo hiểm xã hội thành phố H 80.998.391 đồng, bị can N mong muốn được sử dụng số tiền này để khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKS-P3 ngày 28/11/2019, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T T H đã truy tố bị cáo Hoàng Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T T H giữ nguyên quan điểm truy tố, và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Thị N từ 10 năm tù đến 11 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Hoàng Thị N phải bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu những người bị hại.

Về kê biên tài sản: Áp dụng Điều 128 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục kê biên tài sản khoản tiền tại bảo hiểm xã hội thành phố Huế 80.998.391 đồng của Hoàng Thị Nhiên theo như Cơ quan điều tra đã kê biên, để khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục lưu giữ các tài liệu đã thu giữ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Những người bị hại giao tiền cho bị cáo Hoàng Thị N để xin việc làm là không đúng, trước khi bị khởi tố, bị cáo đã trả lại cho một số bị hại tổng cộng số tiền 157.500.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không tính số tiền bị cáo đã trả lại cho các bị hại vào tang số phạm tội. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo đã trả lại tiền cho một số bị hại và đồng ý dùng số tiền bảo hiểm xã hội của mình để bồi thường khắc phục một phần hậu quả nhằm giảm một phần thiệt hại cho các bị hại, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, bố mẹ đều có Huân chương kháng chiến, là người có công với nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 để làm căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Hoàng Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đồng ý với ý kiến của Luật sư bào chữa, đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về sự vắng mặt của người bị hại là chị Nguyễn Thị Bích H, chị Trần Thị Kim T và chị Nguyễn Thị Cẩm Nh. Tại cơ quan điều tra, chị Nguyễn Thị Bích H, chị Trần Thị Kim T và chị Nguyễn Thị Cẩm Nh đã có bản tự khai và Biên bản lấy lời khai, có yêu cầu về bồi thường thiệt hại cụ thể, bị cáo Hoàng Thị N đồng ý xét

xử vắng mặt những người bị hại này. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của họ ở cơ quan điều tra, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vụ án.

[3] Về hành vi, tội danh của bị cáo Hoàng Thị N: Lời khai của bị cáo Hoàng Thị N tại phiên tòa đúng với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T T H đã truy tố và phù hợp với lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác, cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 3/2018, Hoàng Thị N - Nguyên là giảng viên trường Cao đẳng Sư phạm H, đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra những thông tin không đúng sự thật, như tự nhận mình là người có quen biết rộng, thân thiết với các lãnh đạo tỉnh, thành phố H, có khả năng xin được biên chế, chuyển trường trong ngành giáo dục nên các bị hại đã tin tưởng giao tiền cho N và N viết giấy nhận tiền hẹn thời gian xin việc, nhưng sau đó N không xin việc mà chiếm đoạt số tiền đã nhận để tiêu xài cá nhân và trả nợ. Bằng thủ đoạn trên, N đã chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền **1.091.980.000 đồng** (Một tỷ, không trăm, chín mươi một triệu, chín trăm, tám mươi ngàn đồng). Trong đó, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Bích H số tiền 140.000.000 đồng, ông Đỗ Quốc Á 90.000.000 đồng, chị Trần Thị T 100.000.000 đồng, ông Lê S 161.980.000 đồng, chị Trần Thị Lam H 130.000.000 đồng, chị Trần Thị V 60.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Cẩm Nh 110.000.000 đồng, ông Phan D 85.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N 95.000.000 đồng, bà Trần Thị M 120.000.000 đồng. Sau khi có đơn tố cáo của các bị hại, Nh đã hoàn trả lại cho 03 người bị hại với tổng số tiền 157.500.000 đồng. Trong đó, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Bích H 115.000.000 đồng, ông Đỗ Quốc Á 10.000.000 đồng, chị Trần Thị Lam H 32.500.000 đồng. Số tiền còn lại 934.948.000 đồng, N chiếm đoạt chưa hoàn trả cho các bị hại.

Với hành vi của bị cáo Hoàng Thị N như đã nêu trên, việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T T H truy tố bị cáo Hoàng Thị N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Thị N: Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo Hoàng Thị N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, nếu xâm phạm sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm, nhưng do muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần và có tang số phạm tội lớn. Hành vi của bị cáo thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, xem thường kỷ cương pháp luật. Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Hoàng Thị Nhiên với mức phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả giảm một

phân thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bố mẹ bị cáo đều có Huân chương kháng chiến là người có công với nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nhân thân tốt, nên áp dụng thêm điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị, về tang số phạm tội, trừ số tiền bị cáo đã trả lại cho các bị hại và áp dụng tình tiết giảm nhẹ bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này, bởi vì bị cáo có ý thức chiếm đoạt trước khi nhận tiền của các bị hại, đồng thời sau khi có đơn tố cáo, bị cáo mới trả lại một phần tiền đã chiếm đoạt cho một số bị hại.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo Hoàng Thị N phải trả lại số tiền bị cáo chiếm đoạt, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Bích H yêu cầu bồi thường số tiền 25.000.000 đồng; chị Trần Thị T yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng; ông Lê S yêu cầu bồi thường 161.980.000 đồng; chị Trần Thị Lam H yêu cầu bồi thường 97.500.000 đồng; chị Trần Thị V yêu cầu bồi thường 60.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Cẩm Nh yêu cầu bồi thường 110.000.000 đồng; ông Phan D yêu cầu bồi thường 85.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị N yêu cầu bồi thường 95.000.000 đồng; bà Trần Thị M yêu cầu bồi thường 120.000.000 đồng. Riêng ông Đỗ Quốc Â không yêu cầu bị cáo N bồi thường 80.000.000 đồng còn lại.

Bị cáo Hoàng Thị N đồng ý trả toàn bộ số tiền theo yêu cầu của các bị hại, đồng ý dùng số tiền bảo hiểm xã hội của bị cáo bị kê biên tài sản để bồi thường cho các bị hại.

Do đó cần áp dụng các điều 127, 131, 579, 580, 585, 586, và 589 Bộ luật Dân sự 2015, buộc bị cáo Hoàng Thị N phải bồi thường số tiền còn lại cho các bị hại 854.480.000 đồng, gồm:

Chị Nguyễn Thị Bích H số tiền 25.000.000 đồng; chị Trần Thị T 100.000.000 đồng; ông Lê S 161.980.000 đồng; chị Trần Thị Lam H 97.500.000 đồng; chị Trần Thị V 60.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Cẩm Nh 110.000.000 đồng; ông Phan D 85.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị N 95.000.000 đồng và bà Trần Thị M 120.000.000 đồng.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ các giấy tờ do các bị hại cung cấp thể hiện việc giao nhận tiền nhằm mục đích xin việc của Hoàng Thị N. Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục thu các giấy tờ này để lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Về biện pháp cưỡng chế để đảm bảo thi hành án: Áp dụng Điều 128 Bộ luật tố tụng hình sự kê biên tài sản sau để đảm bảo thi hành án:

- Tiếp tục kê biên tài sản, theo lệnh kê biên tài sản của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T T H số 06/PC01 ngày 03/09/2019 đối với khoản tiền Bảo hiểm

xã hội số 3307000588 tại Bảo hiểm xã hội thành phố H của Hoàng Thị N, số tiền 80.998.391 đồng.

Tài sản kê biên giao cho Bảo hiểm xã hội thành phố H có trách nhiệm bảo quản cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nếu có hành vi tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại tài sản bị kê biên thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của Bộ luật hình sự.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Thị Nhiên phải chịu 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Thị Nhiên phải chịu trên số tiền còn phải bồi thường 854.480.000 đồng là: 36.000.000 đồng + 3% (54.480.000 đồng) = 37.634.400 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[1] Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị N 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/03/2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 127, 131, 579, 580, 585, 586, và 589 Bộ luật Dân sự 2015, buộc bị cáo Hoàng Thị Nhiên phải bồi thường cho các bị hại số tiền còn lại 854.480.000 đồng, gồm:

Chị Nguyễn Thị Bích H số tiền 25.000.000 đồng;

Chị Trần Thị T 100.000.000 đồng;

Ông Lê S 161.980.000 đồng;

Chị Trần Thị Lam H 97.500.000 đồng;

Chị Trần Thị V 60.000.000 đồng;

Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh 110.000.000 đồng;

Ông Phan D 85.000.000 đồng;

Bà Nguyễn Thị N 95.000.000 đồng;

Bà Trần Thị M 120.000.000 đồng.

[3] Về biện pháp cưỡng chế để đảm bảo thi hành án: Áp dụng Điều 128 Bộ luật tố tụng Hình sự, kê biên tài sản sau để đảm bảo thi hành án:

- Tiếp tục kê biên tài sản, theo lệnh kê biên tài sản của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T T H số 06/PC01 ngày 03/09/2019 đối với khoản tiền Bảo hiểm xã hội, số 3307000588 tại Bảo hiểm xã hội thành phố H của Hoàng Thị N số tiền 80.998.391 đồng.

Tài sản kê biên giao cho Bảo hiểm xã hội thành phố H có trách nhiệm bảo quản cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nếu có hành vi tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại tài sản bị kê biên thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của Bộ luật hình sự.

[3] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục thu để lưu giữ trong hồ sơ vụ án, gồm:

- Các giấy tờ do những người bị hại cung cấp thể hiện việc giao nhận tiền nhằm mục đích xin việc của Hoàng Thị Nhiên.

[4] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Thị N phải chịu 37.634.400 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT - Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT - Huế;
- Sở Tư pháp;
- Cục THADS tỉnh TT - Huế;
- Bị cáo; bị hại, người CQLNVLQ;
- Lưu HSPA, Tòa HS, HCTP, P.KTNV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tôn Anh Dũng